

Số: 01/NQ-ĐHCD

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ngày 07/04/2021,
Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và nhất trí

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi

Đại hội nhất trí thông qua với 3.255.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 98,94 % tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát năm 2020

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 5: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021

1. Kết quả SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)
I. Kết quả SXKD		
Tổng doanh thu	đồng	520.676.860.358
Lợi nhuận trước thuế	đồng	12.993.987.870
Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.257.039.267
Cổ tức	10%	5.000.000.000
II. Phân phối lợi nhuận:		
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	5% LNST	512.851.963
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	512.851.963
Quỹ khen thưởng CBCNV	5% LNST	512.851.963
Quỹ phúc lợi	10% LNST	1.025.703.927
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% LNST	512.851.963
Lợi nhuận còn lại	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất	2.179.927.487

2. Kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
I. Kết quả SXKD:	
Tổng doanh thu	484 tỉ đồng
Lợi nhuận trước thuế	12 tỉ đồng
Cổ tức	11%
II. Phân phối lợi nhuận:	
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	5% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ khen thưởng CBCNV	10% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% Lợi nhuận sau thuế
Lợi nhuận còn lại	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 6: Thông qua báo cáo chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021

- Năm 2020: Không quá 5% lợi nhuận sau thuế là 504.000.000 đồng (Năm trăm linh tư triệu đồng).

- Kế hoạch năm 2021: Không quá 5% lợi nhuận sau thuế, được tính vào chi phí SXKD theo quy định.

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 7: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 8: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

- Lựa chọn một (1) trong ba (3) công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và TBGD miền Bắc gồm:

1. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, trụ sở số 78-80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, trụ sở số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
3. Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM: số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể.

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 9: Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty sửa đổi

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 10: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 12: Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Hội đồng quản trị gồm:

1. Ông Phạm Vĩnh Thái – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông Nguyễn Duy Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội nhất trí thông qua với 3.290.200 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 13: Thông qua việc bầu thay thế 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm:

1. Ông Hà Sỹ Chuẩn, Phó Chánh Văn phòng Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
2. Ông Phạm Xuân Thương – Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Điều 14: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 14;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT (để b/c);
- NXBGDVN (để b/c);
- HĐQT, BKS;
- CB&T;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA *Bvt*



Phạm Vĩnh Thái
Phạm Vĩnh Thái

Số: *01* /BB-ĐHCĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ MỤC ĐÍCH ĐẠI HỘI

1. Thời gian và địa điểm

Thời gian: Đại hội bắt đầu từ 13h30 ngày 07 tháng 04 năm 2021.

Địa điểm: Số nhà 24+25, liền kề 11, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

2. Mục đích đại hội

Mục đích của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là thảo luận và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban điều hành;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát năm 2020;
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Thông qua báo cáo chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021;
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
- Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Ban chủ tọa

- | | |
|---|--------------|
| - Ông Phạm Vĩnh Thái, Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Ông Dương Đình Thọ, Ủy viên HĐQT kiêm TGD | - Thành viên |
| - Bà Bùi Thị Thu Lan, Ủy viên HĐQT kiêm KTT | - Thành viên |

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Bà Lê Thu Hương, TP. TC – HC, Ủy viên Ban Kiểm soát- Trưởng ban;
- Bà Phan Tuyết Hạnh, Phó TP. Kinh doanh - Thành viên;
- Ông Vũ Đức Thịnh, Phòng Kế toán – Tài vụ - Thành viên.

3. Tổ thư ký

- Bà Hồ Thị Thanh Trúc, Phó TP. Tổ chức – Hành chính - Tổ trưởng;
- Bà Bùi Thị Thu, Phó TP. Kế toán – Tài Vụ - Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Gấm, Phòng Kinh doanh - Thành viên;
- Ông Phạm Tuấn Anh, Phòng Tổ chức – Hành chính - Thư ký điện tử.

4. Ban kiểm phiếu

- Bà Ngô Phương Anh, TP. Kinh doanh - Trưởng ban;
- Ông Đinh Trọng Tâm, Phó TP Kinh doanh - Thành viên;
- Ông Vũ Đức Thịnh, Phòng Kế toán – Tài Vụ - Thành viên;
- Ông Trương Thành Công, Phó TP Dề tài - KTTT - Thành viên;
- Bà Hoàng Thị Tâm, Phòng Kinh doanh - Thành viên.

5. Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Ban KHIC-NXBGDVN - Trưởng ban;
- Bà Lê Thu Hương, TP. Tổ chức – Hành chính - Thành viên;
- Bà Lê Hồng Phương, Phó TP. Quản lý In – Kho Vận - Thành viên.

6. Hội đồng quản trị

- Ông Phạm Vĩnh Thái - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Dương Đình Thọ - Ủy viên;
- Ông Nguyễn Châu Giang - Ủy viên;
- Bà Bùi Thị Thu Lan - Ủy viên.

7. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

- Ông Dương Đình Thọ - Tổng Giám đốc;
- Ông Nguyễn Châu Giang - Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Nguyễn Văn Tại - Phó Tổng Giám đốc;
- Bà Bùi Thị Thu Lan - Kế toán trưởng.

8. Khách mời:

- Ông Hoàng Lê Bách, Tổng Giám đốc NXBGDVN;
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Trưởng ban Tổ chức Nhân sự NXBGDVN;
- Bà Lê Thị Vân Anh, Phó Giám đốc NXBGD tại Hà Nội;
- Ông Dẫn Hoàng Tuấn, Phó Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư Công ty chứng khoán Rồng Việt.

9. Các cổ đông của Công ty.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Thủ tục khai mạc đại hội

- Ban Tổ chức tổ chức đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.

- Ban Tổ chức mời đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông là Bà Lê Thu Hương Trưởng ban, đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông với các thông tin sau:

- ✓ Tổng số cổ đông có mặt tham dự trực tiếp Đại hội: 09 cổ đông, nắm giữ 340.600 cổ phần
- ✓ Tổng số cổ đông ủy quyền hợp lệ: 34 cổ đông, nắm giữ 2.949.600 cổ phần
- ✓ Tổng số cổ đông và người ủy quyền tham dự Đại hội: 43 cổ đông chiếm 9,89% tổng số cổ đông của Công ty
- ✓ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 3.290.200 cổ phần chiếm 65,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, tương đương 3.290.200 phiếu biểu quyết (Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết).

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc đủ điều kiện tiến hành theo Điều lệ của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

- Ban Tổ chức tiến hành các thủ tục: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời, Ban Chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thông qua Ban Chủ tọa với tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết dự họp.

- Đại diện Ban Chủ tọa giới thiệu thành phần Tổ thư ký, Ban Kiểm phiếu, Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết dự họp.

- Đại diện Ban Chủ tọa giới thiệu chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết dự họp.

2. Nội dung Đại hội

Vào lúc 14h00, tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền là 43 cổ đông đại diện cho 3.290.200 cổ phần tương đương 65,8 % tổng số cổ phần biểu quyết. Trong đó, số cổ đông tham dự trực tiếp là 09 cổ đông đại diện 340.600 cổ phần; số cổ đông dự họp ủy quyền là 34 cổ đông đại diện 2.949.600 cổ phần.

2.1 Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi

Điều lệ sửa đổi đính kèm Biên bản này.

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Trong đó có 35.000 phiếu biểu quyết không hợp lệ. Kết quả như sau:
 - + Tán thành: 3.255.200 phiếu biểu quyết, chiếm 98,94% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
 - + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
 - + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.2 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị công ty năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021

Nội dung báo cáo: Theo tài liệu đính kèm

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.3 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban điều hành

Nội dung báo cáo: Theo tài liệu đính kèm.

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.4 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát năm 2020

Nội dung báo cáo: Theo tài liệu đính kèm

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.5 Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021

1. Kết quả SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)
I. Kết quả SXKD		
Tổng doanh thu	đồng	520.676.860.358

Lợi nhuận trước thuế	đồng	12.993.987.870
Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.257.039.267
Cổ tức	10%	5.000.000.000
II. Phân phối lợi nhuận:		
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	5% LNST	512.851.963
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	512.851.963
Quỹ khen thưởng CBCNV	5% LNST	512.851.963
Quỹ phúc lợi	10% LNST	1.025.703.927
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% LNST	512.851.963
Lợi nhuận còn lại	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất	2.179.927.487

2. Kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
I. Kết quả SXKD:	
Tổng doanh thu	484 tỉ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	12 tỉ đồng
Cổ tức	11%
II. Phân phối lợi nhuận:	
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	5% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ khen thưởng CBCNV	10% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% Lợi nhuận sau thuế
Lợi nhuận còn lại	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.6 Thông qua báo cáo chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021

- Năm 2020: Không quá 5% lợi nhuận sau thuế là 504.000.000 đồng (Năm trăm linh tư triệu đồng).

- Kế hoạch năm 2021: Không quá 5% lợi nhuận sau thuế, được tính vào chi phí SXKD theo quy định.

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.7 Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.8 Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

- Lựa chọn một (1) trong ba (3) công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Sách và TBGD miền Bắc gồm:

1. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, trụ sở lô 78-80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, trụ sở số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
3. Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM: số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể.

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp

- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.9 Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty sửa đổi

Quy chế quản trị nội bộ Công ty sửa đổi đính kèm Biên bản này

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.10 Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Biên bản này

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.11 Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm Biên bản này

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.12 Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Hội đồng quản trị gồm:

1. Ông Phạm Vĩnh Thái – Chủ tịch HĐQT
 2. Ông Nguyễn Duy Hùng – Thành viên HĐQT
- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
- + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.13 Thông qua Danh sách ứng viên bầu thay thế 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm các ông:

1. Ông Hà Sỹ Chuẩn – Phó Chánh văn phòng NXBGDVN
 2. Ông Phạm Xuân Thương, Phó Trưởng ban Tổ chức – Nhân sự NXBGDVN
- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết: 3.290.200 tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- + Tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
 - + Không tán thành: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp
 - + Không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

2.14 Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm các ông:

1. Ông Hà Sỹ Chuẩn, tín nhiệm 3.641.800 quyền biểu quyết, tương ứng 110,69% tổng số cổ phần tham dự họp
 2. Ông Phạm Xuân Thương, tín nhiệm 2.938.600 quyền biểu quyết, tương ứng 89,31% tổng số cổ phần tham dự họp.
3. Ý kiến thảo luận tại đại hội.

*** Cổ đông Nguyễn Thành Đồng:**

Đề nghị Công ty cho biết vấn đề thu hồi công nợ đến thời điểm hiện tại, Công ty xem xét đăng tải báo cáo tài chính hàng tháng hoặc quý của để cổ đông có thông tin về hoạt động SXKD của Công ty, xem xét việc niêm yết trên sàn chứng khoán HNX, nhân sự tham gia HĐQT cần đủ nhiệm kỳ để ổn định.

*** Ông Dương Đình Thọ, Tổng Giám đốc Công ty trả lời ý kiến của cổ đông:**

- Công nợ: Tình hình dịch bệnh Covid kéo dài là khó khăn chung của nền kinh tế cũng như khó khăn cho các Công ty sách địa phương, việc mua hàng bằng tiền ngân sách của Nhà nước được giải ngân chậm ảnh hưởng đến thu hồi nợ của địa phương để thanh toán cho Công ty. Công ty vẫn tiếp tục đơn đốc, thu hồi nợ theo quy định của hợp đồng kinh tế. Về việc thông tin báo cáo tài chính và niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX, Công ty sẽ nghiên cứu và triển khai theo quy định của pháp luật liên quan.

- Nhân sự HĐQT: Công ty là đơn vị thành viên của NXBGDVN, hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ pháp luật, điều lệ và thực hiện theo Thỏa thuận khung với NXBGDVN trong đó có vấn đề về nhân sự.

*** Ý kiến chỉ đạo của ông Hoàng Lê Bách, Tổng Giám đốc NXBGDVN**

Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được trong năm 2020 mặc dù đây là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, tỷ lệ tồn kho hợp lý. Công ty là đơn vị nằm trong quy trình của NXBGDVN nên một số công việc liên quan đến nhân sự, định hướng hoạt động SXKD theo định hướng của NXBGDVN. Thời gian tới Công ty cần triển khai các nội dung sau: Tiếp tục đôn đốc, thu hồi công nợ, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ thị trường, giữ uy tín, nâng cao thương hiệu đối với các Sở GD&ĐT và khách hàng, đối tác, khai thác đề tài mới để đa dạng hóa sản phẩm, giữ gìn đoàn kết nội bộ trong Công ty.

4. Thủ tục bổ nhiệm đại hội

Thư ký đại hội trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội để Đại hội cổ đông thông qua.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngay tại Đại hội với tỷ lệ tán thành: 3.290.200 phiếu biểu quyết, chiếm 100 % tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Đại hội kết thúc vào 18h30 phút cùng ngày ./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

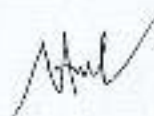

Phạm Đức Anh


Hồ Thị Thanh Trúc

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI *bnl*



Phạm Vĩnh Thái


Bùi Thị Thu


Nguyễn Thị Cẩm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Điều 45. Trách nhiệm thực hiện Thỏa thuận khung hoạt động chung của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

Điều 50. Năm tài chính

Điều 51. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 53. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 55. Con dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Giải thể công ty

Điều 57. Gia hạn hoạt động

Điều 58. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực của Điều lệ

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC (dưới đây gọi là "Công ty"), là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và định ràng buộc hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của các Cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc tại phiên họp tổ chức vào ngày 17 tháng 03 năm 2010, được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 07 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

d. "Luật Lao động" là Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019;

đ. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: North Books and Educational Equipment Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: NBE

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: (024) 35121933

- Fax: 0243.5123581

- Website: www.stbmienbac.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền hạn và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

a. Đầu tư và phát triển dịch vụ và sản xuất kinh doanh các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật cho phép.

- b. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho người lao động, các Cổ đông, Công ty và xã hội.
- c. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Công ty sẽ thực hiện lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)
1	In ấn;	18110
2	Dịch vụ liên quan đến in;	18120
3	Sao chép bản ghi các loại;	18200
4	Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	46497
5	Bán buôn thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;	46699
6	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	47610
7	Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;	47739
8	Xây dựng nhà các loại;	41000
9	Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh ;	47713

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/01 cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi bảy (07) ngày làm việc. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Công ty là doanh nghiệp tham gia thực hiện từng phần hoặc toàn bộ công đoạn trong quá trình xuất bản sách và thiết bị giáo dục do Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; gắn bó lâu dài với NXBGDVN về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh. Công ty có vốn góp của NXBGDVN dưới mức chi phối nhưng tự nguyện tham gia tổ hợp Công ty mẹ - công ty con của NXBGDVN và do NXBGDVN giữ quyền chi phối thông qua thoả thuận ký kết giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty là doanh nghiệp thành viên của NXBGDVN và có nghĩa vụ tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình hoạt động chung của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con do NXBGDVN ban hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội

đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện của tổ chức kiểm toán độc lập có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau :

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan

đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát (trường hợp đã xác định được trước ứng viên);

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên

phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Đối với công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường

họp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc

kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, không quá ba (03) Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc có quyền phân công công việc cụ thể cho Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người giữ chức vụ quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các phòng ban trong Công ty chỉ có một (01) trưởng phòng và tối đa là bốn (04) phó phòng. Số lượng phó phòng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi phòng ban. Thời hạn bổ nhiệm của các trưởng/phó phòng từ 3-5 năm.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Tổng Giám đốc có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị xem xét miễn nhiệm đối với người điều hành khác khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao quá ba (03) lần trong một năm.

Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động khi người lao động vi phạm các điều khoản trong hợp đồng lao động và các quy định của pháp luật. Đảm bảo việc chấm dứt hợp đồng phải tuân thủ đúng quy định của Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại

hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng

48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên ban kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan

trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 45. Trách nhiệm thực hiện Thỏa thuận khung hoạt động chung của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung Thỏa thuận khung hoạt động chung trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con Công ty TNHH MTV NXBGDVN.
2. Áp dụng và tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình hoạt động chung của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con do NXBGDVN ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thống lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán độc lập phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 55. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần (30 ngày làm việc) từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực của Điều lệ

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc nhất trí thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Địa chỉ ĐKKD: Số 187B Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Website: www.stbmienbac.vn

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị xin báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020, và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 như sau:

I. THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đến ngày 31/12/2020, HĐQT gồm 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập không điều hành và 2 thành viên tham gia công tác điều hành, gồm các ông (bà):

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Phạm Vĩnh Thái | Chủ tịch |
| 2. Ông Dương Đình Thọ | Ủy viên kiêm Tổng giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Duy Hùng | Ủy viên |
| 4. Bà Bùi Thị Thu Lan | Ủy viên kiêm Kế toán trưởng |
| 5. Ông Nguyễn Châu Giang | Ủy viên kiêm TP Dề tài – KTTT. |

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp, ban hành 20 nghị quyết triển khai thực hiện các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua, giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh và quyết định các phương án kinh doanh của đơn vị. HĐQT đã bàn bạc và quyết định những công việc trọng tâm của năm gồm:

- Thông qua, chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông hết nhiệm kỳ. ĐHCĐ năm 2020 đã bầu HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ mới 2020-2025. HĐQT đã họp bầu Chủ tịch HĐQT mới.
- Xây dựng định hướng, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng với Nghị quyết của HĐQT đề ra và đảm bảo quy định của Nhà nước.

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Thông qua Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận hàng năm và chỉ đạo triển khai.
- Quyết định về nhân sự quản lý của Công ty.
- Thường xuyên nắm bắt tình hình, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, đúng quy định.

2. Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Thành viên Hội đồng quản trị

- Mỗi thành viên HĐQT đều tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Từng thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia, phát biểu ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp, đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, đưa ra định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Từng thành viên thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị

3.1. Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua. Năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID kéo dài, cạnh tranh về thị trường SGK, STK mới lớp 1 theo Chương trình GDPT 2018 từ các nhà xuất bản khác, cạnh tranh từ các Công ty trong và ngoài hệ thống, đề tài sách tham khảo ngày càng hạn hẹp ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh, tuy nhiên Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan:

- Doanh thu đạt 520,67 tỷ đồng, đạt 113% so với cùng kì năm 2019, đạt 124% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 12,99 tỷ đồng, đạt 115% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 124% kế hoạch.

- Cổ tức 10% đạt 100% kế hoạch.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.641 đồng, tăng 9% so với cùng kỳ.

Doanh thu và sản lượng phát hành sách giáo khoa, STK, thiết bị giáo dục đạt được cao nhất từ trước đến nay cho thấy được sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể cán bộ công ty trong tình hình thị trường còn nhiều khó khăn và cạnh tranh khi bắt đầu áp dụng SGK mới lớp 1, Mảng sách tham khảo, thiết bị giáo dục theo chương trình GDPT mới 2018 bắt đầu chiếm lĩnh thị trường, tỉ lệ tồn kho được giữ ở mức hợp lý, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

3.2. Đánh giá về hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của Ban điều hành giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Từ năm 2017, Ban lãnh đạo cũ và Ban lãnh đạo mới chưa bàn giao được mảng tài chính kế toán, do có sự chênh lệch công nợ và chưa xác định được rõ đối tượng công nợ tại 2 cửa hàng 18/30 Tạ Quang Bửu, cửa hàng 187B Giảng Võ. Hiện nay, Ban điều hành công ty đang tiếp tục thực hiện các biện pháp liên quan để thu hồi công nợ còn lại (3,01 tỉ đồng) trước khi hoàn tất thủ tục bàn giao phần còn tồn tại theo quy định.

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, thay đổi trong công tác quản trị. Ban Tổng giám đốc đã có những biện pháp tích cực trong việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, cụ thể:

- a. Tổ chức, củng cố, sắp xếp và ổn định cơ cấu tổ chức các phòng ban, cửa hàng bán lẻ của Công ty, sáp nhập Phòng Quản lý In và Phòng Kho vận để nâng cao hiệu quả hoạt động. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng ban, bổ sung điều chỉnh các quy định cho phù hợp với phương thức quản lý mới, nhằm quản lý tốt nguồn vốn đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.
- b. Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT.
- c. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng để kiện toàn bộ máy hoạt động, nâng cao thương hiệu.
- d. Thu nhập bình quân người lao động giữ được mức ổn định, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác.

3.3. Đánh giá về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT luôn tuân thủ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế nội bộ và quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy việc giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông năm 2020 cùng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng giám đốc, Ban điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty: HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2020:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, thù lao HĐQT, BKS không quá 5% lợi nhuận sau thuế và được tính vào khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định (tương ứng 504.000.000 đồng).

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Nhận định tình hình:

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn do tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID kéo dài, sự cạnh tranh về thị trường SGK mới lớp 2, lớp 6 của các nhà xuất bản khác, sự cạnh tranh về thị trường STK, TBGD, sản phẩm giáo dục từ nhiều đơn vị trong và ngoài hệ thống NXBGDVN, nhu cầu thị trường khó dự đoán do ảnh hưởng của việc thay SGK mới lớp 2, lớp 6 phục vụ năm học 2021-2022. Ban điều hành cần tiếp tục phát huy những ưu điểm, nghiên cứu, đổi mới về định hướng quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, củng cố, mở rộng thị trường, xây dựng kế hoạch và dự kiến đầu tư hiệu quả để mang lại hiệu quả sản xuất – kinh doanh cao nhất.

2. Kế hoạch hoạt động, định hướng thực hiện:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý và điều hành của Công ty, phân công chức năng, nhiệm vụ trong Ban điều hành cụ thể và nâng cao trách nhiệm của mỗi thành viên được phân công.
- Hội đồng quản trị giao Ban điều hành xây dựng kế hoạch sắp xếp, sử dụng lao động hợp lý, linh hoạt, tiếp tục kiện toàn nhân sự từng vị trí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Rà soát cơ cấu lại đội ngũ nhân lực theo hướng nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn của người lao động, đảm bảo đời sống cán bộ được ổn định và tăng trưởng, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, đào tạo và bồi dưỡng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty.
- Xây dựng phương án nhân sự có trình độ chuyên môn để tổ chức triển khai công tác đầu tư liên doanh sản xuất kinh doanh thiết bị trường học theo chương trình SGK mới.
- Tập trung tổ chức khai thác các đề tài, mảng sản phẩm mới theo Chương trình GDPT 2018 phù hợp với nhu cầu thị trường. Công ty định hướng đây là phương án mở rộng kinh doanh cần thiết trong lộ trình thay SGK mới.

- Triển khai tốt công tác thị trường tại các địa bàn mà Công ty được phân công phát hành SGK mới để chiếm lĩnh thị trường, tăng doanh thu. Xây dựng, củng cố mối quan hệ với các đối tác truyền thống và mở rộng đối tác mới để triển khai kế hoạch phát hành SGK, STK, TBGD và các sản phẩm giáo dục của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí của Công ty, thực hiện các giải pháp để giảm chi phí hoạt động ở mức thấp nhất. Sử dụng, cân đối nguồn vốn hiệu quả để tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo thu nhập, đời sống của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần. Nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị gắn liền với nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, để thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã thông qua.
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh cần giải quyết ngay.
- Chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong việc điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả và theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định theo Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo một số nét chính về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách và TBGD miền Bắc trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động trong năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin được gửi đến Quý vị đại biểu, các vị khách quý cùng toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Ph*



Phạm Vĩnh Thái

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu : VT, TK HĐQT.



NBEE

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Địa chỉ ĐKKD: 187B Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Website: <http://www.stbmienbac.vn>

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBGD MIỀN BẮC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Sách và TBGD miền Bắc xin báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD, giải pháp thực hiện năm 2021 như sau :

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2020

1. Thuận lợi:

- Nhiệm vụ trọng tâm chính của Công ty là cung ứng sách giáo khoa phục vụ học sinh, giáo viên khu vực miền Bắc. Sách giáo khoa là mặt hàng đặc biệt được phụ huynh, học sinh, giáo viên và toàn thể xã hội quan tâm, đây là điều kiện thuận lợi đối với hoạt động SXKD của Công ty.

- Công ty xây dựng và củng cố được mạng lưới đối tác ổn định, có mối quan hệ, hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, đặc biệt là có sự ủng hộ, đồng hành của 29 Công ty CP Sách – TBTH địa phương khu vực phía Bắc.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo NXBGDVN, cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, sự đoàn kết, phối hợp của tập thể người lao động giúp Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc hoàn thành kế hoạch đề ra.

2. Khó khăn:

- Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID kéo dài, nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm của Công ty khó dự đoán và có xu hướng giảm do chuẩn bị thay SGK mới lớp 1 từ năm học 2020-2021 theo cơ chế thị trường. Thị trường cạnh tranh thiếu lành mạnh, giá cả một số đầu vào tăng so với các năm trước, nạn in lậu gia tăng, chi phí triển khai thị trường SGK mới lớp 1. Thị trường sách tham khảo ngày càng khó khăn do có quá nhiều các Công ty trong và ngoài hệ thống thành viên của Nhà xuất bản

giáo dục Việt Nam cùng tham gia phát hành. Thu hồi công nợ khó khăn hơn các năm trước do các đối tác cũng gặp khó khăn chung của tình hình dịch bệnh.

- Năm 2020 vừa qua là một năm nhiều khó khăn, thách thức đối với Công ty: nhu cầu dùng sách và các sản phẩm giáo dục tại các địa phương đang có sự chuyển đổi lớn (xu hướng giảm) do bắt đầu lộ trình thay SGK mới, tình hệ thống trong công tác phát hành SGD đang phát sinh nhiều bất cập, một số Công ty CP Sách - TBTH địa phương mất dần sự chủ động trong công tác chiếm lĩnh thị trường, bị lấn át bởi doanh nghiệp tư nhân.

Trước những thuận lợi, khó khăn trên, Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc đã cố gắng phát huy yếu tố thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn để tiếp tục giữ vững vị trí và uy tín của mình. Sản lượng, doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ, STK, TBGD đạt cao nhất trong những năm qua. Mạng sách tham khảo theo chương trình GDPT 2018 mới bắt đầu chiếm lĩnh thị trường, tỉ lệ tồn kho được giữ ở mức hợp lý, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất kinh doanh, kết quả cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỈ LỆ
1	Sách giáo khoa (bản)	46.872.900	49.391.376	105,4%
2	Sách TC, tham khảo (bản)	2.500.000	2.989.893	119,6%
3	Tổng doanh thu, trong đó:	420 tỷ đồng	520,67 tỷ đồng	124%KH
-	Sách giáo khoa		422,4 tỷ đồng	110%CK
-	Sách tham khảo		74,4 tỷ đồng	141%CK
-	VPP, thiết bị, TN khác...		23,23 tỷ đồng	204%CK
-	Hoạt động tài chính		0,64 tỷ đồng	37%CK
4	Lợi nhuận trước thuế	10,5 tỷ đồng	12,99 tỷ đồng	124%KH
5	Cổ tức	10%	10%	100%KH
6	Tỉ suất lợi nhuận	21%	26%	123,8%KH
7	Thu hồi công nợ	98%	95%	97%KH

2. Công tác kinh doanh:

2.1. Về sản phẩm phục vụ kinh doanh năm 2020

- Sản phẩm chính là sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tự chọn, sách tham khảo và thiết bị giáo dục:

+ Sách giáo khoa (hiện hành và mới): 265 tên sách bao gồm 225 tên SGK, 40 tên SGV (tái bản)

+ Sách tự chọn, STK (theo chương trình hiện hành và mới): 1.258 tên sách

+ Thiết bị, Văn phòng phẩm: 2.112 sản phẩm

+ Lịch: 82 sản phẩm.

- Sách tham khảo: Công ty tự tổ chức hoặc nhận thầu từ các Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội, Đà Nẵng để xuất bản, in - phát hành; Bổ sung đề tài theo nhu cầu của thị trường, nhận thầu sách tái bản, sách mới để in, phát hành. Trong năm, Công ty đã có 141 đề tài bản thảo đang kinh doanh (35 đề tài mới, 106 đề tài tái bản) trong đó có một số đề tài phát hành rất tốt; Trong đó, tổ chức in - phát hành bộ SGK lớp 1 theo chương trình GDPT mới 2018 bắt đầu chiếm lĩnh thị trường một số tỉnh thành.

- Tiếp tục làm Tổng đại lý sách tham khảo cho các đơn vị thành viên NXBGDVN.

- Khai thác thêm các sản phẩm khác ngoài sách như: vở tập, giấy photocopy, lịch, VPP các loại, đồ chơi...;

- Về thiết bị giáo dục: Cung cấp bộ đồ dùng học tập, một số tranh ảnh, thiết bị dạy học cho các đối tác, khách hàng. Bộ thiết bị giáo dục lớp 1 theo chương trình GDPT mới 2018 phát hành tương đối tốt. Công ty xác định cần bám sát, khai thác các dự án vừa và nhỏ ở các địa phương để mở rộng thị trường, tăng doanh thu, cung ứng kịp thời.

2.2. Về thị trường, đối tác

- SGK, sách tự chọn theo chương trình GDPT 2000: thị trường gồm 29 Công ty Sách - TBTH phía Bắc và 2 đối tác phát hành;

- Sách giáo khoa, sách bổ trợ theo chương trình GDPT 2018: thị trường gồm 14 Công ty Sách - TBTH phía Bắc và 2 đối tác phát hành;

- SGK, thiết bị và sản phẩm giáo dục khác:

+ Cùng cố, mở rộng quan hệ phát hành ở các tỉnh, thành phố phía Bắc thông qua việc khảo sát, đánh giá thị trường, cử các đoàn đi công tác phối hợp với công ty địa phương xây dựng kế hoạch phát hành đồng bộ các loại sản phẩm phục vụ nhu cầu của địa phương

+ Khai thác thêm thị phần mới mà các công ty địa phương chưa khai thác, tìm hiểu nhu cầu thực tế và sự biến động của các mảng sách để có kế hoạch in, phát hành hợp lý ;

+ Phối hợp với các đơn vị phát hành khai thác sức mua trên địa bàn, phối hợp với Sở GD-ĐT và các phòng ban chuyên môn để phát hành các sản phẩm giáo dục;

- Cùng cố, mở rộng các kênh phát hành (3 kênh chính) :

+ Hệ thống Công ty Sách - TBTH: 42% tổng doanh thu

+ Đại lý, Sở, Phòng, Trường, khách lẻ, cửa hàng: 12% tổng doanh thu

+ Hệ thống đơn vị thành viên NXBGDVN: 46% tổng doanh thu.

Ngoài hệ thống các công ty sách -TBTH các tỉnh thành, công ty mở rộng khai thác các đơn vị phát hành tư nhân, các thư viện trường học, thư viện và các dự án. Năm 2020, Công ty đã trúng một số gói thầu hoặc liên danh với đơn vị khác để

thực hiện gói thầu cung cấp sách, vở, TBGD cho học sinh tại một số tỉnh thành, tổng doanh thu hơn 15 tỉ đồng.

2.3. Về các vấn đề còn tồn tại:

- Công nợ của 2 cửa hàng 18/30 Tạ Quang Bửu, cửa hàng 187B Giảng Võ: 3,01 tỷ đồng. Trong năm, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện nhiều giải pháp để dôn đốc, thu hồi khoản công nợ này.

- Tỷ lệ thu hồi công nợ đối với các Công ty CP Sách – TBTH địa phương và đối tác năm 2020 đạt khoảng 95% thấp hơn so với những năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID kéo dài, nền kinh tế khó khăn chung nên các đối tác cũng gặp khó khăn trong việc thu hồi công nợ để thanh toán cho Công ty. Đến ngày 31/12/2020, vẫn còn một số Công ty Sách – TBTH địa phương nợ quá hạn cao như Yên Bái, Sơn La, Hải Dương, Thanh Hoa, Nghệ An.... (Tổng số dư công nợ cuối năm 2019: 8,7 tỉ đồng, năm 2020: gần 36,5 tỉ đồng). Công ty tiếp tục tích cực dôn đốc, thu hồi các khoản công nợ trên để thu hồi vốn phục vụ SXKD.

- Đến ngày 31/12/2020, trị giá hàng hóa tồn kho gồm sách, thiết bị, văn phòng phẩm... là 14,7 tỷ đồng. Công ty tiếp tục phân loại, xử lý đối với các sản phẩm lạc hậu về nội dung, khó có khả năng tiêu thụ, không còn giá trị sử dụng với giá trị gần 2,5 tỷ đồng chiếm 17% tổng hàng hóa tồn kho. Công ty sẽ thực hiện các giải pháp để thu hồi vốn như thanh lý, khuyến mãi, giảm giá....

3. Về công tác đầu tư (đến ngày 31/12/2020):

- Trụ sở văn phòng tại Hà Đông, Hà Nội: 25,1 tỷ đồng
- Dự án mở rộng mặt bằng kho Đông Anh: 6,56 tỷ đồng
- Dự án trung tâm sách Cầu Giấy: 100 triệu đồng
- Đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị :

+ Công ty CP Dịch vụ XBGD Hà Nội (mã cổ phiếu EPH): 1,2 tỷ đồng tương đương 121.250 cổ phần.

+ Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (mã cổ phiếu EID): 63,2 triệu đồng tương đương 6.400 cổ phần.

+ Công ty CP Sách và TBTH Lai Châu: 18,75 triệu đồng tương đương 7.500 cổ phần.

4. Công tác tổ chức nhân sự:

Tổng số CBCNV của đơn vị đến ngày 31/12/2020: 62 người

- Ban lãnh đạo gồm:
 - + Tổng Giám đốc
 - + 02 Phó Tổng Giám đốc
 - + Kế toán trưởng.
- Các phòng, ban : gồm 6 phòng ban, bộ phận:
 - + Phòng Kinh doanh.
 - + Phòng Kế toán tài vụ
 - + Phòng Quản lí in - Kho vận

- + Phòng Tổ chức - Hành chính.
- + Phòng Đề tài và Khai thác thị trường.
- + Cửa hàng Văn Khê thuộc Phòng Kinh doanh.

Trong năm vừa qua, Công ty đã tiếp tục thực hiện kiện toàn bộ máy nhân sự, tổ chức sắp xếp, hoàn thiện cơ cấu nhân sự các phòng ban, sáp nhập Phòng Quản lý In và Phòng Kho vận để nâng cao hiệu quả hoạt động, bổ sung điều chỉnh quy chế làm việc cho phù hợp với phương thức quản lý mới nhằm đạt hiệu quả và chất lượng trong công việc.

5. Công tác xã hội từ thiện:

Hàng năm Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội từ thiện, Công ty đã tổ chức tặng quà tết cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng quà sách vở cho cho thư viện trường học, tài trợ cho giáo dục, ủng hộ một ngày lương cho đồng bào lũ lụt ... với tổng giá trị gần 50 triệu đồng.

III - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 dự kiến sẽ là một năm rất khó khăn, nhu cầu của thị trường về SGK mới, SGK cũ, STK và các sản phẩm giáo dục cũ và ăn theo SGK mới sẽ khó dự đoán nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc sẽ gặp nhiều khó khăn, bị tác động bởi nhiều yếu tố ảnh hưởng, đặc biệt là các vấn đề sau:

- Năm học 2021-2022 áp dụng sách giáo khoa mới lớp 2, lớp 6. Công tác triển khai thị trường cần nhiều nguồn lực về nhân sự, tài chính. Việc thay sách ảnh hưởng đến dự báo nhu cầu thị trường SGK hiện hành gây khó khăn việc xây dựng kế hoạch để giảm thiểu tồn kho SGK cũ và SGK chuẩn bị thay mới năm 2022.

- Việc cung ứng sách giáo khoa hiện hành theo bản đặt của địa phương gặp khó khăn do các công ty đặt hàng mang tính chất thụ động, chưa xác định rõ nhu cầu thị trường đối với SGK mới cũng như SGK cũ hiện hành. Ngoài ra, một số địa phương không còn được cấp ngân sách mua SGK theo Nghị định 86 của Chính phủ cũng là yếu tố gây khó khăn cho việc xác định nhu cầu của thị trường địa phương.

- Năm 2021, Bộ sách tự chọn Tin học của CTCP Sách và TBGD Miền Bắc mang lại nguồn thu đáng kể dự kiến xu hướng giảm sản lượng do bị cạnh tranh bởi nhiều bộ sách của các đơn vị khác.

- Chi phí đầu vào dự kiến tăng so với năm 2020: giá nguyên liệu tăng, đặc biệt là giá giấy dự kiến tăng so với các năm vừa qua, công in tăng do phải ra quyết định in với số lượng nhỏ lẻ nhằm hạn chế tồn kho, chi phí vận chuyển, nhân công tăng làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Tình hình dịch bệnh (COVID) kéo dài, phức tạp ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm giáo dục nói riêng, sức mua giảm và tiến độ thanh toán chậm.

- Tình hình thu hồi công nợ rất khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, do vẫn còn tồn tại một số khoản nợ từ những năm trước chưa thu hồi được. Hàng tồn kho từ nhiều năm trước khó có khả năng tiêu thụ trong khi chuẩn bị hết lộ trình thay SGK mới thì lượng hàng tồn kho theo chương trình cũ phải hủy, thanh lý. Công ty phải trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các mảng sản phẩm mới về sách tham khảo, thiết bị giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 mang tính chất trung, dài hạn và có thể cần đầu tư vốn nhiều để phát triển trong thời gian đầu.

Trong bối cảnh khó khăn như vậy, Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc sẽ nỗ lực tháo gỡ, khắc phục và dự kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu sản phẩm và tài chính năm 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng		
	Sách giáo khoa	bản	41.996.000
	Sách tham khảo, tự chọn	bản	2.600.000
2	Doanh thu bán hàng và CCDV	ti đồng	484
3	Lợi nhuận trước thuế	ti đồng	12
4	Tỉ suất lợi nhuận	%	24%
5	Cổ tức	%	11%

2. Một số giải pháp thực hiện

2.1. Công tác kinh doanh

- Triển khai thực hiện tốt việc phát hành sách giáo dục phục vụ năm học 2021-2022, đảm bảo cung ứng đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, không xảy ra tình trạng thiếu sách, sót sách. Năm học 2021-2022 áp dụng SGK mới lớp 2, lớp 6, đây là nhiệm vụ rất khó khăn đối với công tác triển khai thị trường trong lộ trình thay sách giáo khoa mới. Thị trường SGK mới (lớp 2, lớp 6) chưa được xác định, Công ty phải cân đối sản lượng phát hành, tiết kiệm tối đa các chi phí phát sinh, hạn chế tồn kho, đặc biệt là sách SGK mới lớp 2, lớp 6, SGK hiện hành lớp 3, 7, 10 tồn kho ở mức thấp nhất.

- Tiếp tục củng cố hệ thống phát hành, tăng cường, nâng cao mối quan hệ hợp tác với đối tác chiến lược, đối tác phát hành là các công ty sách - TBTH địa phương, cam kết thực hiện đúng thỏa ước, đúng chủ trương của NXBGDVN là không bán hàng trái tuyến và tiếp tay cho việc bán hàng trái tuyến.

- Bổ sung thêm nguồn hàng mới, đa dạng hoá sản phẩm để cung ứng cho các đơn vị, phấn đấu đạt doanh thu sách tham khảo và các sản phẩm giáo dục từ 10%-15% doanh thu SGK.

- Đối với các dòng sản phẩm hiện có: tận dụng ưu thế, nâng cấp, chỉnh lí đảm bảo chất lượng sản phẩm để giữ vững doanh thu lợi nhuận.

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường, tổ chức khai thác các sản phẩm mới, đề tài mầm non, hoạt động trải nghiệm, sách địa phương, sách tham khảo theo Chương trình GDPT 2018. Bám sát, tìm kiếm, mở rộng những thị trường tiềm năng, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Mở rộng công tác kinh doanh mảng thiết bị (TBGD theo chương trình GDPT 2000 và TBGD theo Chương trình GDPT 2018) theo mô hình liên kết, sản xuất, hướng tới phục vụ đối tượng học sinh các bậc học, khai thác thiết bị cung ứng cho dự án địa phương.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cửa hàng bán lẻ.

- Mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng thị trường, tiếp tục nghiên cứu hướng đầu tư mua cổ phần tại các Công ty CP Sách – TBTH địa phương để chi phối, chủ động trong công tác phát hành kinh doanh tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh biến động phức tạp của thị trường trong lộ trình sách giáo khoa mới.

- Đánh giá, xem xét các khoản mục đầu tư, thực hiện thoái vốn nếu không mang lại hiệu quả.

- Tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để thu hồi công nợ 3,01 tỷ của hai cửa hàng.

- Đẩy mạnh tiêu thụ sách, thiết bị, văn phòng phẩm... tồn kho để thu hồi vốn, tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

2.2. Công tác quản lí, tổ chức nhân sự:

Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế, quy định nội bộ, quy trình phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn, các đơn vị, đối tác, hệ thống báo cáo.

Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lí hợp lí, bố trí sắp xếp, điều chỉnh công việc cho CBCNV phù hợp với khả năng, sở trường để nâng cao hiệu quả.

Thực hiện chi trả lương theo năng suất, hiệu quả và chất lượng công việc đối với từng bộ phận, cá nhân;

Tiếp tục kiện toàn bộ máy theo hướng tinh giảm cán bộ, đồng thời đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn nhưng Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc đạt được một số thành công nhất định về kết quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Năm 2021 sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng chúng tôi tin tưởng rằng cùng với sự đóng góp tích cực của các cổ đông, sự quan tâm chỉ đạo của NXBGDVN, HĐQT, sự nỗ lực cố gắng cũng như kinh nghiệm của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc sẽ hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông đã giao, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, bảo toàn phát triển nguồn vốn, đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo cổ tức cho cổ đông, có tích lũy để mở rộng SXKD, củng cố thương hiệu để Công ty Sách và TBGD miền Bắc là đơn vị vững mạnh của NXBGDVN và trên thị trường.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC *Đ*



Dương Đình Thọ

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BTGD, KTT;
- Lưu: VT.





Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Kính thưa quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách - TBGD miền Bắc;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Sách - TBGD miền Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sách và TBGD miền Bắc xin báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty năm 2020 trước Đại hội cổ đông như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

1.1. Hoạt động chung của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, được bổ nhiệm ngày 28/5/2020. Các cuộc họp của thành viên Ban kiểm soát trong năm gồm:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Trà Giang	2	100%	100%	Hết nhiệm kỳ ngày 28/5/2020
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 28/5/2020
3	Lê Thu Hương	4	100%	100%	
4	Lê Hồng Phương	4	100%	100%	

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc và nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, nghị quyết ĐHCĐ cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, (ính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc; kiểm tra, rà soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quản lý, điều hành phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Cập nhật, giám sát và thẩm định báo cáo tài nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty. Kiến nghị Hội đồng quản trị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo phối hợp hoạt động tốt với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

- Tiếp thu ý kiến góp ý của CBCNV và cổ đông về công tác quản lý, tình hình sản xuất kinh doanh, xây dựng, thực hiện kế hoạch... để phản ánh tới lãnh đạo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh phù hợp.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

- Giám sát việc thực hiện tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật, theo điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHCĐ.

1.2. Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát, tổ chức họp để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách giám sát từng lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty, nhưng không có quyền chỉ phối các Thành viên Ban Kiểm soát.

- Mỗi Thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

- Mỗi Thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, ban điều hành.

2. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2020

2.1. Đối với báo cáo công tác điều hành

Ban Kiểm soát không có ý kiến bổ sung với các nội dung Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2020 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

2.2. Đối với báo cáo tài chính năm 2020

Ban Kiểm soát nhất trí với các đánh giá về hoạt động tài chính tại Báo cáo kiểm toán năm 2020 được phát hành ngày 08/3/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2019	TH/KH	TH/CK
1	Tổng doanh thu	520,67	484	449,9	124%	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	12,99	12	11,25	124%	115%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%	11%	9%	100%	111%

Năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch phát hành, kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận cho thấy được sự cố gắng nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công ty trong tình hình thị trường còn nhiều khó khăn và cạnh tranh khi bắt đầu áp dụng SGK mới lớp 1, đồng thời là năm chịu ảnh hưởng lớn, phức tạp của dịch bệnh Covid-19.

Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020

Một số chỉ tiêu tài chính đạt được trong năm 2020:

STT	Năm	Doanh thu (đồng)	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	Cổ tức	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
1	2020	520.676.860.358	12.993.987.870	10%	1.641

Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành, kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng qua các năm, đảm bảo tỉ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông theo kế hoạch đề ra.

3. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS NĂM 2021

- Cập nhật chính sách chế độ, quy định của Nhà nước để bổ sung vào điều lệ hoạt động của Công ty kịp thời và thực hiện đúng theo điều lệ đã ban hành.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế nội bộ để cập nhật các quy định hiện hành của nhà nước, phù hợp với thực tế hoạt động của công ty.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định của nhà nước, quy chế nội bộ của Công ty, thực hiện tốt quy chế việc khai thác và quản lý tài sản, vật tư, hàng hoá với các đơn vị trong hệ thống.

- Tiếp tục rà soát, làm rõ khoản công nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị học tập từ năm 2017 trở về trước của khách lẻ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu theo ý kiến của Công ty kiểm toán độc lập AASC để thu hồi công nợ, tránh thất thoát vốn, xác định trách nhiệm của đối tượng có liên quan.

- Đối với các khoản phải thu dài hạn như:

+ Góp vốn cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và một số đơn vị khác theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/7/2010 để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

+ Góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo hợp đồng số 1F/2010/HĐGV ngày 8/7/2010 để thực hiện dự án xây dựng trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa.

Đề nghị công ty giám sát, phối hợp cùng bên góp vốn để sớm có phương án triển khai dự án hoặc xử lý khoản vốn góp theo hướng an toàn và có lợi ích lâu dài.

- Đối với hàng tồn kho đã trích lập dự phòng theo số liệu tại mục 9 phần thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đề nghị công ty sớm có phương án xử lý hàng tồn kho kém chất lượng, tồn kho lâu, khả năng tiêu thụ khó để hoàn nhập dự phòng, thu hồi vốn lưu động cho công ty.

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD năm 2021, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định và phân đầu tăng trưởng trong những năm tiếp theo.

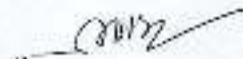
Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội cổ đông năm 2021 đối với Công ty CP Sách - TBGD miền Bắc.

Trân trọng cảm ơn.

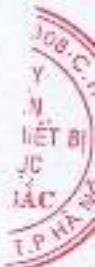
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Công ty CP sách và TBGD miền Bắc.
- Quý cổ đông.



Nguyễn Thị Thu Huyền



Số: /QC-STBMB

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHCD ngày 07 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc bao gồm các nội dung sau:



CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 2 Điều 6 Quy chế này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội

đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều 6 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 6; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Quy định tại khoản 1, khoản 6, Điều 20 điều lệ Công ty. Ngoài ra, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau:

a. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông phải đến đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần mang theo như sau:

- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;

- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp) và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp

khác của người được ủy quyền.

b. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu khác, trong đó:

- Thẻ biểu quyết có ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông cùng các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty hoặc chữ ký của Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông;

- Phiếu bầu cử có ghi thông tin của cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông, tổng số lượng phiếu bầu, danh mục các ứng viên trong danh sách được bầu cử và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Công ty.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội/Chủ tọa, cổ đông khi biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa ngay sau khi Ban tổ chức/Chủ tọa yêu cầu cổ đông biểu quyết vấn đề trong Đại hội. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem là không hợp lệ. Sau mỗi lần các cổ đông biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Ban tổ chức Đại hội/Ban Kiểm phiếu thu Thẻ biểu quyết Tán thành trước, Thẻ biểu quyết không tán thành thu sau, cuối cùng Thẻ biểu quyết không có ý kiến. Ban tổ chức Đại hội/Ban Kiểm phiếu kiểm đếm các loại thẻ và đưa vào Biên bản kiểm phiếu theo quy định.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi

rõ họ tên của đại biểu.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Theo đó mỗi cổ đông tham dự có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban Kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

1. Nguyên tắc chung

Đối với thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng thẻ biểu quyết không có ý kiến. Ban Kiểm phiếu kiểm đếm các loại thẻ và đưa vào Biên bản kiểm phiếu theo quy định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;

Đối với phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu lập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ

định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

2. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử

a. Khi bắt đầu cuộc họp, Chủ tọa cuộc họp trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách thành viên Ban Kiểm phiếu. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Công ty.

b. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, kết quả kiểm phiếu bầu cử. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

a. Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

Sau khi tiến hành ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả kiểm phiếu bầu cử, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu và trình bày ngay kết quả cho Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm thông báo kết quả đó cho Đại hội đồng cổ đông.

b. Biên bản kiểm phiếu:

Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập ra và có đầy đủ tất cả các thông tin sau:

- Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên trong Ban kiểm phiếu;
- Tất cả các nội dung biểu quyết/bầu cử theo quy định của pháp luật;
- Thời gian kết thúc kiểm phiếu;
- Chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

a. Trang thông tin điện tử của Công ty;

- b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
 - c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 3. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Trừ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp mặt trực tiếp, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu.

Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều

hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp

Điều 25. Dề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, và c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi

nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 25 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy chế này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 30. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội

đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 32. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý

Hội đồng quản trị họp tối thiểu mỗi quý một lần.

Điều 33. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 34. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại

Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 35. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 36. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 37. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

Điều 38. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu

quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp;

Điều 41. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 42. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 43. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 32 Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 32 Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại khoản i, mục 2, Điều 27 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty thực hiện thông báo và công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Vai trò của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát: quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty
3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát
Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 47. Đề cử; ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 48. Cách thức bầu Thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 50. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu

quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 51. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát
Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 53. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 54. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.

Điều 55. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.

2. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 ngày. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;

3. Tổng Giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn tối đa 30 ngày.

Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và

cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 58. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, trình tự và thủ tục tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại điều 30 Điều lệ Công ty và Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Điều 59. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 61. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a. Ban Kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Thành viên Ban Kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi

phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hàng năm và hàng tháng của Công ty (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh) cho từng năm tài chính sẽ phải được đề trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

d. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt: các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế quản lý nội bộ, kiểm tra việc thực hiện định mức khối lượng công việc được giao trong nội bộ Công ty;

e. Và các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 62. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cái tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

5. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 63. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 62 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.

Điều 64. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và

cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

c. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban Kiểm soát

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên

Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban Kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc: Ban Kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và

Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban Kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc điều hành trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với

ngày dự định nhận được phán hồi Hội đồng quản trị.

Điều 66. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Thành viên Ban Kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 67. Khen thưởng

1. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

2. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

3. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm.

Điều 68. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ

công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII. SỬA ĐỔI VÀ TÍNH HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 69. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong những trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ hoặc bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 70. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sách Thuật bị và Giáo dục Miền Bắc bao gồm 70 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

1.C.P * 10N

hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng

quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

d. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng

kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp

sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài

chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1

Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01

người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11

- Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Họp bằng hình thức trực tuyến
- a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
 - c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Không thành viên Hội đồng quản trị nào có quyền từ chối khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của cuộc họp nói trên, trừ khi trong cuộc họp trên, thành viên Hội đồng quản trị đó đã bày tỏ sự không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các Quyết định được thông qua trong cuộc họp đó.
13. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị
- a. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được mời họp dự thính.
 - b. Những cán bộ quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn

- thành viên có thể được mời tham dự cuộc họp khi thấy cần thiết.
- c. Khi thảo luận về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước thì Hội đồng quản trị có thể mời đại diện cơ quan nhà nước có liên quan tham dự cuộc họp.
 - d. Những người được mời họp dự tình không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
14. Chuẩn bị nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- a. Trừ khi có quy định khác, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - b. Các thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng Giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.
15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách

nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy

định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí di lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần



vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo

0454632
CÔNG TY
CỔ PHẦN
H VÀ TH
GIÁO DƯ
TIỀN Đ
ĐA - 1

đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các nghị quyết, quyết định và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng mười lăm (15) ngày.

3. Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm Hội đồng quản trị hoặc phải trình Hội đồng quản trị quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự với tư cách Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.

4. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc thông báo cho Hội đồng quản trị biết để tham dự nếu có điều kiện.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong quan hệ công việc với Hội đồng quản trị

5.1. Tổng Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty hoặc trái với quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và Hội đồng quản trị đối với những vấn đề nói trên.

5.2. Các trách nhiệm khác của Tổng Giám đốc được nêu tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và

độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc bao gồm 7 chương, 25 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: /QC-STBMB

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-DHCD ngày 07 tháng 4 năm 2021;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc;

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; Việc đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử

viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy

định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Thành viên Ban Kiểm soát

Các Thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sách Thiết bị và Giáo dục Miền Bắc bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

